

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2020-2021(Dự kiến)

Stt	Lớp	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Dân tộc	T.Anh	Ghi chú
1	10A7	BÙI THỊ LAN ANH	Nữ	01/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
2	10A9	ĐỖ QUỐC ANH	Nam	01/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
3	10A11	LÊ HOÀNG ANH	Nam	02/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
4	10A4	LÊ NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	22/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
5	10A1	LÊ VIỆT ANH	Nam	01/09/2005	Kinh	AV 10 năm	
6	10A1	NGÔ KỶ ANH	Nam	30/01/2005	Kinh	AV 10 năm	
7	10A10	NGUYỄN BÁ NGỌC ANH	Nữ	01/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
8	10A11	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	21/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
9	10A6	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	09/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
10	10A6	NGUYỄN THỊ THÁI ANH	Nữ	06/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
11	10A5	PHAN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	25/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
12	10A8	TRẦN PHẠM KIỀU ANH	Nữ	06/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
13	10A8	PHAN THỊ NGỌC ANH	Nữ	14/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
14	10A4	MAI HOÀI AN	Nam	28/09/2004	Kinh	AV 7 năm	
15	10A2	NGUYỄN BÙI QUỐC BẢO	Nam	02/03/2005	Kinh	AV 10 năm	
16	10A10	LÊ THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	01/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
17	10A11	ĐỖ VĂN BÌNH	Nam	09/12/2005	Kinh	AV 7 năm	
18	10A8	TRẦN THẾ BÌNH	Nam	04/12/2005	Kinh	AV 7 năm	
19	10A7	NGUYỄN THỊ CẨM	Nữ	04/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
20	10A5	H CẨM JÔNG BYÃ	Nữ	02/01/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
21	10A6	BÙI HUY CÔNG	Nam	03/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
22	10A3	HUỲNH ANH CÔNG	Nữ	12/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
23	10A8	PHAN MINH CÔNG	Nam	10/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
24	10A1	NGUYỄN MINH CHÂU	Nữ	03/03/2005	Kinh	AV 10 năm	
25	10A2	ĐẶNG THỊ KIM CHI	Nữ	12/11/2005	Kinh	AV 10 năm	
26	10A5	HỒ THỊ TÙNG CHI	Nữ	23/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
27	10A4	LÊ THỊ KIM CHI	Nữ	10/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
28	10A11	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	25/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
29	10A3	PHẠM LINH CHI	Nữ	21/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
30	10A10	TRƯƠNG THỊ ĐOAN CHI	Nữ	02/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
31	10A9	HUỲNH VĂN CHINH	Nam	29/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
32	10A2	LỮ VĂN CHUÂN	Nam	07/11/2005	Kinh	AV 10 năm	
33	10A5	NGUYỄN SỸ DIỆN	Nam	05/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
34	10A1	LÊ THỊ MINH DIỆU	Nữ	01/03/2005	Kinh	AV 10 năm	
35	10A4	TRẦN THỊ KIM DIỆU	Nữ	09/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
36	10A6	H- DOANH KBIN	Nữ	09/11/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
37	10A3	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	Nữ	16/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
38	10A7	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	Nữ	17/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
39	10A3	TRẦN THỊ MỸ DUNG	Nữ	07/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
40	10A6	TRỊNH THỊ THU DUNG	Nữ	28/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
41	10A1	HUỲNH TẤN DŨNG	Nam	19/02/2005	Kinh	AV 10 năm	
42	10A5	NGUYỄN VŨ TẤN DŨNG	Nam	02/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
43	10A7	LÊ VĂN DUY	Nam	20/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
44	10A10	NGUYỄN THỊ DUYỀN	Nữ	19/02/2005	Kinh	AV 7 năm	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2020-2021(Dự kiến)

Stt	Lớp	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Dân tộc	T.Anh	Ghi chú
45	10A11	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Nữ	18/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
46	10A5	TRẦN THỊ DUYÊN	Nữ	20/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
47	10A8	BÙI THỊ THỦY DƯƠNG	Nữ	23/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
48	10A1	LÊ TUỆ DƯƠNG	Nữ	15/11/2005	Kinh	AV 10 năm	
49	10A9	NGUYỄN HỮU DƯƠNG	Nam	24/12/2005	Kinh	AV 7 năm	
50	10A10	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	Nữ	19/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
51	10A6	NGÔ ĐỨC ĐÀN	Nam	29/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
52	10A6	HÀ ĐÌNH TRỌNG ĐẠT	Nam	21/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
53	10A11	HOÀNG BÁ ĐẠT	Nam	22/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
54	10A1	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	19/04/2005	Kinh	AV 10 năm	
55	10A8	PHẠM MINH ĐẠT	Nam	23/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
56	10A1	VÕ PHAN TIẾN ĐẠT	Nam	18/01/2005	Kinh	AV 10 năm	
57	10A10	VÕ TÂN ĐẠT	Nam	16/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
58	10A7	H ĐÊ LI KBUỜ	Nữ	22/01/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
59	10A8	PHẠM VĂN ĐOÁN	Nam	02/06/2004	Kinh	AV 7 năm	
60	10A8	ĐOÀN MINH ĐỨC	Nam	02/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
61	10A6	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	28/06/2004	Kinh	AV 7 năm	
62	10A7	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	Nam	16/08/2005	Tày	AV 7 năm	
63	10A10	THÁI ĐÌNH ĐỨC	Nam	06/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
64	10A8	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	Nam	05/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
65	10A1	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	01/10/2005	Kinh	AV 10 năm	
66	10A6	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	09/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
67	10A10	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	12/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
68	10A7	NGUYỄN TRẢ GIANG	Nữ	07/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
69	10A6	TRƯƠNG TIẾN GIANG	Nữ	08/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
70	10A9	HOÀNG THỊ HÀ	Nữ	20/11/2005	Tày	AV 7 năm	
71	10A3	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	04/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
72	10A4	PHAN KHÁNH HÀ	Nữ	04/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
73	10A1	TRẦN NGUYỆT HÀ	Nữ	26/02/2005	Kinh	AV 10 năm	
74	10A5	NGUYỄN QUỐC HẢI	Nam	26/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
75	10A7	TRẦN VĂN HẢI	Nam	18/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
76	10A6	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	01/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
77	10A3	NGUYỄN THỊ HOÀN HẢO	Nữ	18/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
78	10A9	PHẠM THỊ MỸ HẰNG	Nữ	23/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
79	10A5	TRẦN THỊ HẰNG	Nữ	14/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
80	10A4	DƯƠNG THỊ CHÂU HÂN	Nữ	20/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
81	10A9	NGÔ THỊ HÂN	Nữ	23/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
82	10A3	NGUYỄN PHAN NGỌC HÂN	Nữ	05/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
83	10A11	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	10/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
84	10A2	ĐOÀN THỊ THANH HẬU	Nữ	15/09/2005	Kinh	AV 10 năm	
85	10A9	HỒNG THANH HẬU	Nam	01/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
86	10A5	NGUYỄN THANH HẬU	Nam	17/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
87	10A11	NGUYỄN THỊ LỆ HIỀN	Nữ	07/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
88	10A2	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN	Nữ	03/01/2005	Kinh	AV 10 năm	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2020-2021(Dự kiến)

Stt	Lớp	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Dân tộc	T.Anh	Ghi chú
89	10A1	TRÀ THỊ THANH HIỀN	Nữ	20/01/2005	Kinh	AV 10 năm	
90	10A7	LÊ VĂN HIẾU	Nam	01/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
91	10A4	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	19/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
92	10A5	VĂN CÔNG HIẾU	Nam	12/06/2004	Kinh	AV 7 năm	
93	10A9	VŨ TRỌNG HIẾU	Nam	19/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
94	10A10	BÙI QUỲNH HOA	Nữ	11/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
95	10A4	NGUYỄN MỸ HOA	Nữ	24/05/2004	Kinh	AV 7 năm	
96	10A5	NGUYỄN THỊ HÒA	Nữ	15/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
97	10A8	NGUYỄN BÁ HOÀNG	Nam	16/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
98	10A7	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	17/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
99	10A5	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	Nam	23/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
100	10A6	TRẦN VĂN HOÀNG	Nam	19/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
101	10A7	NGUYỄN THỊ HỘP	Nữ	13/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
102	10A11	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	Nam	02/12/2005	Kinh	AV 7 năm	
103	10A10	Y HÙNG H-DRUẾ	Nam	05/09/2003	Ê-đê	AV 7 năm	
104	10A5	ĐOÀN VĨNH HUƠNG	Nam	27/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
105	10A5	ĐOÀN BẢO HUY	Nam	26/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
106	10A4	HOÀNG HUY	Nam	19/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
107	10A4	NGUYỄN CÔNG HUY	Nam	14/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
108	10A8	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	11/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
109	10A5	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	07/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
110	10A1	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	19/06/2005	Kinh	AV 10 năm	
111	10A2	TRỊNH THỊ THU HUYỀN	Nữ	03/10/2005	Kinh	AV 10 năm	
112	10A8	MAI DUY HUYNH	Nam	28/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
113	10A6	HUỲNH VĂN HÙNG	Nam	11/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
114	10A7	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	Nam	19/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
115	10A6	BÙI THỊ CẨM HƯƠNG	Nữ	14/04/2005	Mường	AV 7 năm	
116	10A2	CAO THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	12/11/2005	Kinh	AV 10 năm	
117	10A10	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	Nữ	17/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
118	10A8	PHẠM THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	04/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
119	10A3	VÕ HÙNG HY	Nam	12/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
120	10A4	H' JUN HỒ ÊBAN	Nữ	28/02/2004	Ê-đê	AV 7 năm	
121	10A4	MAI ANH KIỆT	Nam	09/12/2005	Kinh	AV 7 năm	
122	10A11	MAI NGỌC THÚY KIỀU	Nữ	04/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
123	10A5	PHẠM ÁNH KIỀU	Nữ	18/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
124	10A10	ĐỖ AN KHANG	Nam	21/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
125	10A7	VÕ QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
126	10A8	H KHEN ÊNUÔL	Nữ	09/08/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
127	10A3	NGÔ ĐÌNH KHIÊM	Nam	27/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
128	10A8	TRỊNH ĐĂNG KHOA	Nam	18/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
129	10A3	VÕ ĐĂNG KHOA	Nam	14/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
130	10A11	H LAM ÊNUÔL	Nữ	08/02/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
131	10A8	TRỊNH THỊ NGỌC LAN	Nữ	19/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
132	10A11	LÊ THỊ LÀNH	Nữ	23/04/2005	Kinh	AV 7 năm	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2020-2021(Dự kiến)

Stt	Lớp	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Dân tộc	T.Anh	Ghi chú
133	10A10	TRƯƠNG VĂN LÀNH	Nam	26/07/2004	Kinh	AV 7 năm	
134	10A6	Y- LĂM - HDRUỄ	Nam	03/11/2003	Ê-đê	AV 7 năm	
135	10A7	LÊ THỊ NGỌC LỆ	Nữ	21/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
136	10A6	HOÀNG THỊ LIỄU	Nữ	17/07/2005	Tày	AV 7 năm	
137	10A2	HOÀNG THỊ DIỆU LINH	Nữ	08/07/2005	Kinh	AV 10 năm	
138	10A8	HUỲNH THỊ MỸ LINH	Nữ	02/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
139	10A1	LÝ NGỌC LINH	Nữ	22/06/2005	Kinh	AV 10 năm	
140	10A3	NGUYỄN NGỌC LINH	Nam	13/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
141	10A3	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	09/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
142	10A2	NGUYỄN THỊ HUỆ LINH	Nữ	18/08/2005	Kinh	AV 10 năm	
143	10A2	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	15/06/2005	Kinh	AV 10 năm	
144	10A7	TRẦN NGÔ MỸ LINH	Nữ	20/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
145	10A6	TRẦN PHẠM HOÀNG LINH	Nam	20/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
146	10A1	TRẦN VƯƠNG LINH	Nữ	04/10/2005	Kinh	AV 10 năm	
147	10A11	TRỊNH PHƯƠNG LINH	Nữ	25/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
148	10A4	HUỲNH THỊ BÍCH LOAN	Nữ	23/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
149	10A2	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	28/03/2005	Kinh	AV 10 năm	
150	10A8	ĐỖ THANH LỘC	Nam	08/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
151	10A9	NGUYỄN XUÂN LỘC	Nam	19/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
152	10A5	VÕ VĂN LỘC	Nữ	03/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
153	10A9	HÀ NGỌC QUỐC LỢI	Nam	10/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
154	10A6	VŨ XUÂN LUẬT	Nam	05/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
155	10A6	BÙI HUY LỰC	Nam	09/12/2005	Kinh	AV 7 năm	
156	10A10	BÙI MAI LY	Nam	30/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
157	10A2	LIU KHÁNH LY	Nữ	21/03/2005	Kinh	AV 10 năm	
158	10A3	ĐỖ CAO NHƯ MAI	Nữ	14/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
159	10A3	HỒ THỊ TRÚC MAI	Nữ	24/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
160	10A4	LÊ HIỀN MAI	Nữ	05/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
161	10A6	Y MAI CON HMÖK	Nam	24/03/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
162	10A9	NGUYỄN VIỆT MẠNH	Nam	22/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
163	10A3	NGUYỄN VĂN MẦN	Nam	10/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
164	10A9	LƯƠNG TIÊU MINH	Nữ	05/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
165	10A6	NGUYỄN HỮU MINH	Nam	01/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
166	10A9	NGUYỄN THỊ MINH	Nữ	19/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
167	10A10	PHAN NGUYỄN BẢO MINH	Nam	06/12/2005	Kinh	AV 7 năm	
168	10A1	TRƯƠNG NGUYỄN BÌNH MINH	Nam	13/09/2005	Kinh	AV 10 năm	
169	10A1	VÕ NHẬT MINH	Nam	02/09/2005	Kinh	AV 10 năm	
170	10A7	ĐOÀN THỊ TRÀ MY	Nữ	29/12/2005	Kinh	AV 7 năm	
171	10A8	MAI THỊ MY	Nữ	11/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
172	10A6	PHAN THỊ HUYỀN MY	Nữ	18/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
173	10A9	TRẦN THỊ TRÀ MY	Nữ	22/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
174	10A5	VI THỊ TRÀ MY	Nữ	14/12/2005	Tày	AV 7 năm	
175	10A6	NGUYỄN TẤN MỸ	Nam	17/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
176	10A7	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	06/06/2005	Kinh	AV 7 năm	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2020-2021(Dự kiến)

Stt	Lớp	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Dân tộc	T.Anh	Ghi chú
177	10A9	H NE RI HDRUÊ	Nữ	01/05/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
178	10A11	NGUYỄN QUỐC NINH	Nam	03/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
179	10A9	PHẠM THỊ NGỌC NUỜNG	Nữ	17/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
180	10A8	NGUYỄN THỊ TUYẾT NY	Nữ	16/02/2004	Kinh	AV 7 năm	
181	10A5	PHẠM THỊ BÍCH NGA	Nữ	12/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
182	10A8	BÙI THỊ THANH NGÂN	Nữ	04/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
183	10A10	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	Nữ	30/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
184	10A7	TRẦN THỊ THANH NGÂN	Nữ	21/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
185	10A1	VÔ THỊ ĐÔNG NGHI	Nữ	04/06/2005	Kinh	AV 10 năm	
186	10A3	VŨ ĐÔNG NGHI	Nam	11/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
187	10A4	H' NGOA BDAP	Nữ	07/01/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
188	10A1	ĐẶNG MINH NGỌC	Nữ	08/07/2005	Kinh	AV 10 năm	
189	10A8	ĐẶNG THỊ TIÊU NGỌC	Nữ	09/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
190	10A11	LÊ THỊ NGỌC	Nữ	10/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
191	10A10	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	18/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
192	10A6	TRƯƠNG MINH NGỌC	Nữ	21/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
193	10A10	VĂN CÔNG NGỌC	Nam	23/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
194	10A7	VÔ THỊ NGỌC	Nữ	30/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
195	10A2	LÊ THANH NGUYỄN	Nữ	06/06/2004	Kinh	AV 10 năm	
196	10A2	LÊ THẢO NGUYỄN	Nữ	06/06/2004	Kinh	AV 10 năm	
197	10A5	NGÔ THỊ TUYẾT NGUYỄN	Nữ	13/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
198	10A5	PHAN THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	08/08/2004	Kinh	AV 7 năm	
199	10A9	NGUYỄN THỊ THANH NHẠN	Nữ	20/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
200	10A3	DƯƠNG ĐĂNG NHẬT	Nam	25/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
201	10A6	HỒ QUỐC NHẬT	Nam	08/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
202	10A1	LÊ Ý NHI	Nữ	13/01/2005	Kinh	AV 10 năm	
203	10A6	NGUYỄN THỊ NHI	Nữ	28/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
204	10A9	PHAN THỊ Ý NHI	Nữ	08/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
205	10A1	PHAN TRẦN THẢO NHI	Nữ	03/12/2004	Kinh	AV 10 năm	
206	10A8	LÊ HỒNG NHUNG	Nữ	13/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
207	10A8	TRẦN THỊ NGỌC NHUNG	Nữ	07/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
208	10A10	H NHUYN HMỐC	Nữ	20/07/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
209	10A2	ĐINH TÂM NHƯ	Nữ	29/03/2005	Kinh	AV 10 năm	
210	10A10	HUỲNH THỊ NHƯ	Nữ	04/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
211	10A11	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	24/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
212	10A4	PHẠM HOÀNG QUỲNH NHƯ	Nữ	11/09/2005	Nùng	AV 7 năm	
213	10A9	VÔ VĂN NHƯ	Nam	01/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
214	10A9	H' NHƯ HUỆ NIỀ	Nữ	06/09/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
215	10A2	HỒ THỊ KIM OANH	Nữ	08/10/2005	Kinh	AV 10 năm	
216	10A5	TÔ THỊ OANH	Nữ	23/06/2005	Tày	AV 7 năm	
217	10A7	TRỊNH THỊ KIM OANH	Nữ	17/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
218	10A7	H- OANH ÊBAN	Nữ	20/05/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
219	10A5	TRỊNH XUÂN PHẠNG	Nam	13/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
220	10A4	LẠI THỊ HƯƠNG PHẤN	Nữ	25/04/2005	Kinh	AV 7 năm	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2020-2021(Dự kiến)

Stt	Lớp	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Dân tộc	T.Anh	Ghi chú
221	10A10	ĐOÀN HỮU PHI	Nam	12/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
222	10A6	LÊ QUỐC PHI	Nam	19/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
223	10A2	LÊ VĂN PHONG	Nam	28/08/2005	Kinh	AV 10 năm	
224	10A10	TRẦN ĐĂNG PHONG	Nam	15/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
225	10A5	NGUYỄN PHẠM PHONG PHÚ	Nam	29/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
226	10A4	HUỲNH XUÂN PHÚC	Nam	29/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
227	10A6	LÊ BÁ PHÚC	Nam	17/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
228	10A2	LÊ ĐÌNH PHÚC	Nam	21/07/2005	Kinh	AV 10 năm	
229	10A1	NGUYỄN MINH PHÚC	Nam	11/03/2005	Kinh	AV 10 năm	
230	10A2	TRẦN HOÀNG PHÚC	Nam	16/05/2005	Kinh	AV 10 năm	
231	10A10	TRẦN THỊNH PHÚC	Nam	22/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
232	10A5	TRƯƠNG HỒNG PHÚC	Nam	27/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
233	10A1	ĐẶNG HUYỀN PHƯƠNG	Nữ	19/04/2005	Kinh	AV 10 năm	
234	10A5	LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	26/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
235	10A3	LÊ THỊ KIM PHƯƠNG	Nữ	15/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
236	10A4	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	29/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
237	10A6	LÊ THỊ PHƯƠNG	Nữ	15/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
238	10A2	TRẦN VĂN QUANG	Nam	15/10/2005	Kinh	AV 10 năm	
239	10A4	BÙI HOÀNG ĐÌNH QUÂN	Nam	01/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
240	10A11	LÀY VĂN QUÂN	Nam	05/02/2005	Nùng	AV 7 năm	
241	10A10	LÊ HOÀNG QUÂN	Nam	23/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
242	10A8	LÊ VĂN QUỐC	Nam	13/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
243	10A7	NGUYỄN VIỆT QUY	Nam	30/03/2004	Kinh	AV 7 năm	
244	10A7	DƯƠNG HIỂN QUÝ	Nam	18/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
245	10A9	LÊ THANH QUÝ	Nam	16/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
246	10A10	NGUYỄN VĂN QUÝ	Nam	20/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
247	10A3	NGUYỄN VĂN QUÝ	Nam	04/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
248	10A4	NGUYỄN THỊ QUYÊN	Nữ	29/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
249	10A4	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
250	10A10	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	06/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
251	10A5	TRẦN MAI NHƯ QUỲNH	Nữ	18/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
252	10A4	TRƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	03/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
253	10A5	H- RIN - HMÖK	Nữ	20/07/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
254	10A5	H RÔ KIM TUYẾT BKRÔNG	Nữ	29/10/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
255	10A1	NGUYỄN ĐẠI PHÚ SANG	Nam	18/01/2005	Kinh	AV 10 năm	
256	10A9	NGUYỄN VĂN SANG	Nam	27/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
257	10A8	H- SI - NE BUỒN YĂ	Nữ	15/12/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
258	10A2	NGUYỄN VĂN SINH	Nam	10/08/2005	Kinh	AV 10 năm	
259	10A8	H. SƠ DIN ÊNƯÔL	Nữ	25/11/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
260	10A8	LÊ HỒNG SƠN	Nam	22/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
261	10A5	LÊ THỊ CẨM SƯƠNG	Nữ	24/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
262	10A2	TRẦN THỊ MAI SƯƠNG	Nữ	26/04/2005	Kinh	AV 10 năm	
263	10A8	HOÀNG TRỌNG SỸ	Nam	12/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
264	10A1	ĐẶNG XUÂN TÀI	Nam	14/09/2005	Kinh	AV 10 năm	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2020-2021(Dự kiến)

Stt	Lớp	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Dân tộc	T.Anh	Ghi chú
265	10A11	NGUYỄN VĂN TÀI	Nam	16/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
266	10A4	TRẦN VĂN MINH TÀI	Nam	15/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
267	10A11	ĐẶNG THỊ TÂM	Nữ	10/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
268	10A8	ĐOÀN THỊ TÂM	Nữ	31/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
269	10A3	HÀ HUỖNH VĂN TÂM	Nam	24/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
270	10A3	NGUYỄN NHẬT TÂM	Nam	08/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
271	10A2	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	02/01/2005	Kinh	AV 10 năm	
272	10A9	PHAN THỊ THANH TÂM	Nữ	27/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
273	10A7	TRẦN THỊ MỸ TÂM	Nữ	04/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
274	10A9	LÃ NHƯ TÂN	Nam	13/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
275	10A8	NGUYỄN VĂN TÂY	Nam	03/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
276	10A7	ĐẶNG VĂN TÍ	Nam	29/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
277	10A6	CHU THUY TIÊN	Nữ	18/06/2004	Kinh	AV 7 năm	
278	10A4	TỔNG THỊ MỸ TIÊN	Nữ	04/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
279	10A9	LÊ THỊ KIM TÌNH	Nữ	12/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
280	10A4	LÊ THUY TÌNH	Nữ	30/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
281	10A6	HUỖNH ĐỨC TOÀN	Nam	09/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
282	10A5	NGUYỄN HỮU TỎI	Nam	03/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
283	10A11	BÙI THỊ CẨM TÚ	Nữ	28/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
284	10A7	TRẦN HOÀNG TÚ	Nam	20/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
285	10A6	HỒ ĐÌNH ANH TUẤN	Nam	07/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
286	10A8	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	Nam	14/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
287	10A1	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	13/04/2005	Kinh	AV 10 năm	
288	10A10	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	16/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
289	10A11	TRẦN ANH TUẤN	Nam	10/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
290	10A4	TRẦN NGỌC TUẤN	Nam	09/10/2004	Kinh	AV 7 năm	
291	10A10	HOÀNG VĂN TÙNG	Nam	02/07/2005	Tày	AV 7 năm	
292	10A7	HUỖNH THANH TÙNG	Nam	06/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
293	10A6	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	Nam	12/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
294	10A4	PHAN BÁ THANH TÙNG	Nam	19/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
295	10A3	HOÀNG THANH TUYỀN	Nữ	07/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
296	10A1	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	05/09/2005	Kinh	AV 10 năm	
297	10A3	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	24/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
298	10A9	HUỖNH THỊ CÁT TƯỜNG	Nữ	07/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
299	10A10	PHẠM NGÔ TƯỜNG	Nam	08/07/2005	Hrê	AV 7 năm	
300	10A8	LƯƠNG HUY THÁI	Nam	24/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
301	10A11	NGUYỄN VĂN THÁI	Nam	05/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
302	10A1	NGÔ VIỆT THANH	Nam	09/10/2005	Kinh	AV 10 năm	
303	10A3	TRƯƠNG MINH NGỌC THANH	Nữ	01/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
304	10A2	VÕ NGUYỄN NGUYỄN THANH	Nam	11/05/2005	Kinh	AV 10 năm	
305	10A4	NGUYỄN XUÂN THÀNH	Nam	25/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
306	10A11	HÀ HỒNG THẢO	Nữ	29/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
307	10A9	HÀ THỊ YẾN THẢO	Nữ	31/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
308	10A10	HOÀNG THỊ THẢO	Nữ	07/09/2005	Mường	AV 7 năm	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2020-2021(Dự kiến)

Stt	Lớp	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Dân tộc	T.Anh	Ghi chú
309	10A5	HUỲNH ĐỨC THẢO	Nam	23/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
310	10A1	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	04/06/2005	Kinh	AV 10 năm	
311	10A4	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	Nữ	18/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
312	10A7	HOÀNG VĂN THẮNG	Nam	15/08/2005	Tày	AV 7 năm	
313	10A4	NGUYỄN HỮU HÀ THẮNG	Nam	15/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
314	10A3	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	25/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
315	10A5	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	17/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
316	10A2	NGUYỄN VŨ THẮNG	Nam	16/06/2005	Kinh	AV 10 năm	
317	10A7	TRẦN QUỐC THẮNG	Nam	11/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
318	10A4	VĂN THI	Nam	15/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
319	10A2	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	Nam	22/02/2005	Kinh	AV 10 năm	
320	10A7	PHAN CÔNG THIÊN	Nam	29/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
321	10A4	TRẦN VĂN THIÊN	Nam	23/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
322	10A11	LÊ VINH THỊNH	Nam	01/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
323	10A11	VÕ VĂN THỊNH	Nam	30/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
324	10A9	PHAN VĂN THỐNG	Nam	24/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
325	10A7	TRẦN THỊ DƯƠNG THU	Nữ	05/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
326	10A6	LÊ THỊ NGỌC THÙY	Nữ	07/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
327	10A2	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	03/01/2005	Kinh	AV 10 năm	
328	10A6	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	24/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
329	10A4	HOÀNG THỊ QUỲNH THU	Nữ	18/12/2005	Tày	AV 7 năm	
330	10A4	LÊ ANH THU	Nữ	21/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
331	10A8	LÊ THỊ ANH THU	Nữ	23/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
332	10A11	NGUYỄN ANH THU	Nữ	30/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
333	10A9	NGUYỄN NGỌC MINH THU	Nữ	09/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
334	10A3	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	28/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
335	10A4	HÀ THIÊN THỨC HẸM	Nam	12/08/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
336	10A3	ĐINH THỊ THƯƠNG	Nữ	02/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
337	10A10	HUỲNH QUỐC THƯƠNG	Nam	23/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
338	10A8	LÂM THỊ THƯƠNG	Nữ	03/06/2005	Sán Cháy	AV 7 năm	
339	10A11	NÔNG THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	10/06/2005	Tày	AV 7 năm	
340	10A11	LÊ ANH TRÀ	Nữ	12/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
341	10A11	HOÀNG TRANG	Nữ	12/05/2005	Tày	AV 7 năm	
342	10A11	HỒNG THỊ TRANG	Nữ	24/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
343	10A9	LÂM THỊ THU TRANG	Nữ	10/06/2005	Tày	AV 7 năm	
344	10A2	NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG	Nữ	20/06/2005	Kinh	AV 10 năm	
345	10A3	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	Nữ	19/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
346	10A9	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	Nữ	26/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
347	10A3	NGUYỄN TRẦN THU TRANG	Nữ	12/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
348	10A10	THÁI THỊ THỦY TRANG	Nữ	29/01/2004	Kinh	AV 7 năm	
349	10A7	VÕ HÀ TRANG	Nữ	27/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
350	10A3	VÕ THỊ TRANG	Nữ	28/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
351	10A1	ĐỖ THỊ MỸ TRÂM	Nữ	21/02/2005	Kinh	AV 10 năm	
352	10A6	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	24/05/2005	Kinh	AV 7 năm	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2020-2021(Dự kiến)

Stt	Lớp	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Dân tộc	T.Anh	Ghi chú
353	10A3	ĐỖ HOÀNG THỊ QUÊ TRẦN	Nữ	04/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
354	10A11	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	27/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
355	10A4	NGÔ HẢI TRIỀU	Nam	12/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
356	10A6	ĐỖ THỊ TÚ TRINH	Nữ	24/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
357	10A10	NGUYỄN TRẦN THANH TRINH	Nữ	07/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
358	10A9	VŨ THỊ MỸ TRINH	Nữ	17/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
359	10A1	CAO BÁ KHÁNH TRÌNH	Nam	16/08/2005	Kinh	AV 10 năm	
360	10A11	TRỊNH THANH TRỌNG	Nam	02/12/2004	Kinh	AV 7 năm	
361	10A3	PHÙNG THỊ TRÚC	Nữ	19/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
362	10A2	HÀ VIỆT TRUNG	Nam	22/02/2005	Kinh	AV 10 năm	
363	10A7	LÊ ĐÌNH TRUNG	Nam	19/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
364	10A10	LÊ MINH TRUNG	Nam	26/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
365	10A2	LÊ THỂ TRUNG	Nam	11/10/2005	Kinh	AV 10 năm	
366	10A11	LÊ VĂN TRUNG	Nam	03/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
367	10A11	NGUYỄN TRUNG	Nam	17/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
368	10A9	NGUYỄN HIẾU TRUNG	Nam	27/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
369	10A2	VŨ DUY TRUNG	Nam	30/08/2005	Kinh	AV 10 năm	
370	10A11	NGUYỄN NGỌC TRỰC	Nam	17/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
371	10A7	ĐỖ QUANG TRƯỜNG	Nam	01/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
372	10A11	LÊ TẤT ĐAN TRƯỜNG	Nam	13/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
373	10A1	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	Nam	11/07/2005	Kinh	AV 10 năm	
374	10A8	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Nam	07/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
375	10A3	TRẦN VĂN TRƯỜNG	Nam	27/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
376	10A7	LÊ THỊ THU UYÊN	Nữ	28/08/2005	Kinh	AV 7 năm	
377	10A7	NGUYỄN THỊ BẢO UYÊN	Nữ	15/02/2005	Kinh	AV 7 năm	
378	10A10	NGUYỄN TRẦN BẢO UYÊN	Nữ	09/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
379	10A2	VŨ THỊ LÂM UYÊN	Nữ	20/08/2005	Kinh	AV 10 năm	
380	10A1	LÊ THỊ KHÁNH VÂN	Nữ	31/03/2005	Kinh	AV 10 năm	
381	10A9	VŨ THỊ HỒNG VÂN	Nữ	22/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
382	10A1	NGUYỄN THỊ NHẢ VI	Nữ	02/05/2005	Kinh	AV 10 năm	
383	10A6	PHẠM THỊ VI	Nữ	27/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
384	10A10	PHAN THỊ VI	Nữ	04/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
385	10A7	TRẦN THỊ THU HẠ VI	Nữ	19/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
386	10A4	BÙI CHÍ VĨ	Nam	08/09/2005	Kinh	AV 7 năm	
387	10A9	NGÔ CHÍ VĨ	Nam	29/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
388	10A4	PHAN TRẦN HOÀI VIỄN	Nam	06/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
389	10A2	LÊ ĐÌNH VIỆT	Nam	02/04/2005	Kinh	AV 10 năm	
390	10A5	VÕ VĂN VIỆT	Nam	05/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
391	10A5	NGUYỄN VĂN VINH	Nam	02/12/2005	Kinh	AV 7 năm	
392	10A8	LÊ HUỲNH NGỌC VŨ	Nam	16/01/2005	Kinh	AV 7 năm	
393	10A5	NGUYỄN TUẤN VŨ	Nam	16/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
394	10A9	PHẠM ĐÌNH VŨ	Nam	30/04/2005	Kinh	AV 7 năm	
395	10A2	TRƯƠNG NHƯ VŨ	Nam	02/04/2005	Kinh	AV 10 năm	
396	10A10	TRẦN MINH VƯƠNG	Nam	07/07/2005	Kinh	AV 7 năm	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2020-2021(Dự kiến)

Stt	Lớp	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Dân tộc	T.Anh	Ghi chú
397	10A1	BÙI THẢO VY	Nữ	10/01/2005	Kinh	AV 10 năm	
398	10A11	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC VY	Nữ	22/05/2005	Kinh	AV 7 năm	
399	10A9	HỒ THỊ THÚY VY	Nữ	26/06/2005	Kinh	AV 7 năm	
400	10A3	MAI THẢO VY	Nữ	10/10/2005	Kinh	AV 7 năm	
401	10A5	NGÔ THỊ MỸ VY	Nữ	06/10/2004	Kinh	AV 7 năm	
402	10A8	NGUYỄN THỊ THẢO VY	Nữ	16/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
403	10A9	H WAI NIÊ	Nữ	05/10/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
404	10A7	Y WERRY NIÊ BDAP	Nam	13/02/2005	Ê-đê	AV 7 năm	
405	10A5	NGUYỄN ĐỨC XUÂN	Nam	30/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
406	10A9	HUỖNH VIỆT Ý	Nam	05/03/2005	Kinh	AV 7 năm	
407	10A11	LÊ THỊ NHƯ Ý	Nữ	08/07/2005	Kinh	AV 7 năm	
408	10A7	VÕ THỊ NHƯ Ý	Nữ	29/11/2005	Kinh	AV 7 năm	
409	10A10	PHAN THỊ YÊN	Nữ	27/07/2004	Kinh	AV 7 năm	
410	10A11	H' YÊNG BDAP	Nữ	29/07/2005	Ê-đê	AV 7 năm	